BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	**KỲ THI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUỐC GIA NĂM 2017**
ĐỀ THI CHÍNH THỨC	**Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI**
(Đề thi có 05 trang)	**Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ**
	Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh: ....

Số báo danh: ....

Mã đề thi 324

Câu 41. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hệ thống sông nào sau đây có tỉ lệ diện tích lưu vực lớn nhất nước ta?

A. Sông Hồng. **B.** Sông Thái Bình. **C.** Sông Đồng Nai. **D.** Sông Cả.

Câu 42. Cơ cấu sản xuất công nghiệp của nước ta đang chuyển dịch theo hướng

A. tăng tỉ trọng sản phẩm chất lượng thấp. **B.** đa dạng hóa sản phẩm công nghiệp.

C. tăng tỉ trọng công nghiệp khai thác. **D.** giảm tỉ trọng công nghiệp chế biến.

Câu 43. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17 và trang 4 - 5, cho biết Khu kinh tế ven biển Dung Quất thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Bình Định. **B.** Quảng Ngãi. **C.** Quảng Nam. **D.** Phú Yên.

Câu 44. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp với Trung Quốc cả trên đất liền và trên biển?

A. Hà Giang. **B.** Cao Bằng. **C.** Quảng Ninh. **D.** Lạng Sơn.

Câu 45. Phát biểu nào sau đây đúng với giao thông đường bộ (đường ô tô) ở nước ta hiện nay?

A. Chưa hội nhập vào đường xuyên Á. **B.** Phương tiện hầu hết cũ kĩ, lạc hậu.

C. Tập trung chủ yếu ở dọc ven biển. **D.** Mạng lưới đường được mở rộng.

Câu 46. Hoạt động nào sau đây **không** thuộc ngành công nghiệp năng lượng nước ta?

A. Sản xuất điện. **B.** Khai thác dầu khí. **C.** Khai thác bôxit. **D.** Khai thác than.

Câu 47. Vị trí địa lí đã quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta mang tính chất

A. cận xích đạo gió mùa. **B.** ôn đới gió mùa.

C. cận nhiệt đới gió mùa. **D.** nhiệt đới ẩm gió mùa.

Câu 48. Tại Bắc Trung Bộ hiện nay, rừng giàu tập trung nhiều nhất ở các tỉnh

A. Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình. **B.** Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế.

C. Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình. **D.** Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Thừa Thiên - Huế.

Câu 49. Dân tộc nào sau đây chiếm tỉ lệ lớn nhất trong dân số nước ta?

A. Tày. **B.** Kinh. **C.** Ê-đê. **D.** Mường.

Câu 50. Một trong những đặc điểm của vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta là

A. phạm vi gồm nhiều tỉnh, ranh giới ổn định.

B. tạo ra tốc độ phát triển nhanh cho cả nước.

C. có tỉ trọng nhỏ trong tổng GDP của quốc gia.

D. khả năng thu hút vốn đầu tư còn nhiều hạn chế.

Câu 51. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết Sa Pa thuộc vùng khí hậu nào sau đây?

A. Tây Bắc Bộ. **B.** Đông Bắc Bộ.

C. Trung và Nam Bắc Bộ. **D.** Bắc Trung Bộ.

Câu 52. Nhà máy thủy điện nào sau đây **không** thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A. Hòa Bình. **B.** Thác Bà. **C.** Tuyên Quang. **D.** A Vương.

Câu 53. Hướng nghiêng chung của địa hình nước ta là

A. tây - đông.
B. tây nam - đông bắc.
C. bắc - nam.
D. tây bắc - đông nam.

Câu 54. Nguyên nhân chính dẫn đến ngập lụt ở Trung Bộ vào tháng IX - X là do

A. mưa bão lớn và lũ nguồn về.
B. mưa lớn và triều cường.
C. không có đê sông ngăn lũ.
D. địa hình thấp hơn mực nước biển.

Câu 55. Điều kiện tự nhiên thuận lợi nhất của Tây Nguyên để trồng các cây công nghiệp lâu năm là có

A. nguồn nước sông, hồ dồi dào.
B. đất badan màu mỡ, rộng lớn.
C. mùa khô và mùa mưa rõ rệt.
D. địa hình tương đối bằng phẳng.

Câu 56. Phát biểu nào sau đây đúng với sự phát triển công nghiệp của Duyên hải Nam Trung Bộ hiện nay?

A. Tài nguyên nhiên liệu, năng lượng dồi dào.
B. Chủ yếu phát triển các ngành công nghệ cao.
C. Cơ sở năng lượng đã đáp ứng đủ nhu cầu.
D. Hình thành chuỗi các trung tâm ở ven biển.

Câu 57. Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu nhất làm giảm tỉ trọng nông - lâm - ngư nghiệp trong cơ cấu lao động của nước ta hiện nay?

A. Quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh.
B. Cơ sở hạ tầng ngày càng được hoàn thiện.
C. Tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
D. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới.

Câu 58. Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG CỦA HÀ NỘI VÀ TP. HỒ CHÍ MINH

(Đơn vị: °C)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Hà Nội	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2
TP. Hồ Chí Minh	25,8	26,7	27,9	28,9	28,3	27,5	27,1	27,1	26,8	26,7	26,4	25,7

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 Nâng cao, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về nhiệt độ của Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh?

A. Nhiệt độ trung bình tháng I ở Hà Nội thấp hơn TP. Hồ Chí Minh.
B. Nhiệt độ trung bình tháng VII ở Hà Nội cao hơn TP. Hồ Chí Minh.
C. Biên độ nhiệt độ trung bình năm ở Hà Nội nhỏ hơn TP. Hồ Chí Minh.
D. Số tháng có nhiệt độ trên 20°C ở TP. Hồ Chí Minh nhiều hơn Hà Nội.

Câu 59. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với trung tâm công nghiệp ở nước ta hiện nay?

A. Hầu hết các trung tâm đều có nhiều ngành công nghiệp.
B. Nhiều trung tâm ra đời trong quá trình công nghiệp hóa.
C. Trung tâm TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội có ý nghĩa quốc gia.
D. Hải Phòng, Vũng Tàu, Cần Thơ là các trung tâm rất lớn.

Câu 60. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy thủy điện Cửa Đạt được xây dựng trên sông nào sau đây?

A. Sông Gâm.
B. Sông Lô.
C. Sông Cả.
D. Sông Chu.

Câu 61. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với nền nông nghiệp hàng hóa ở nước ta?

A. Đẩy mạnh chuyên môn hóa sản xuất.
B. Sử dụng ngày càng nhiều máy móc.
C. Phần lớn sản phẩm tiêu dùng tại chỗ.
D. Gắn liền với công nghiệp chế biến.

Câu 62. Mùa đông ở khu vực Đông Bắc nước ta thường

A. đến sớm và kết thúc muộn.
B. đến muộn và kết thúc muộn.
C. đến sớm và kết thúc sớm.
D. đến muộn và kết thúc sớm.

Câu 63. Mùa khô ở miền Bắc nước ta không sâu sắc như ở miền Nam là do ở đây có

A. tuyết rơi.
B. sương muối.
C. gió lạnh.
D. mưa phùn.

Câu 64. Điểm giống nhau về điều kiện sinh thái nông nghiệp của Đông Nam Bộ và Tây Nguyên là

A. có mùa mưa và mùa khô rõ rệt.
B. có bán bình nguyên rộng lớn.
C. địa hình cao nguyên xếp tầng.
D. khí hậu phân hóa rõ theo độ cao.

Câu 65. Nhân tố nào sau đây có tính quyết định đến sự phân bố dân cư nước ta hiện nay?

A. Tài nguyên thiên nhiên.
B. Quá trình xuất, nhập cư.
C. Trình độ phát triển kinh tế.
D. Lịch sử khai thác lãnh thổ.

Câu 66. Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu nhất làm cho sông ngòi nước ta có tổng lượng nước lớn?

A. Thảm thực vật có độ che phủ cao và lượng mưa lớn.
B. Địa hình chủ yếu là đồi núi thấp và lượng mưa lớn.
C. Mưa lớn và nguồn nước từ ngoài lãnh thổ chảy vào.
D. Lượng mưa lớn trên đồi núi dốc và ít lớp phủ thực vật.

Câu 67. Cây chè được trồng nhiều ở Tây Nguyên, chủ yếu là do nơi đây có

A. khí hậu khá nóng ở các cao nguyên thấp.
B. một mùa mưa và khô rõ rệt.
C. tổng lượng mưa trong năm lớn.
D. khí hậu mát mẻ ở các cao nguyên cao.

Câu 68. Nguyên nhân nào sau đây làm cho Đồng bằng sông Cửu Long trở thành vùng nuôi trồng thủy sản lớn nhất cả nước?

A. Lao động có trình độ cao.
B. Diện tích mặt nước rộng lớn.
C. Cơ sở vật chất kĩ thuật tốt.
D. Trữ lượng thủy sản lớn.

Câu 69. Cho biểu đồ:

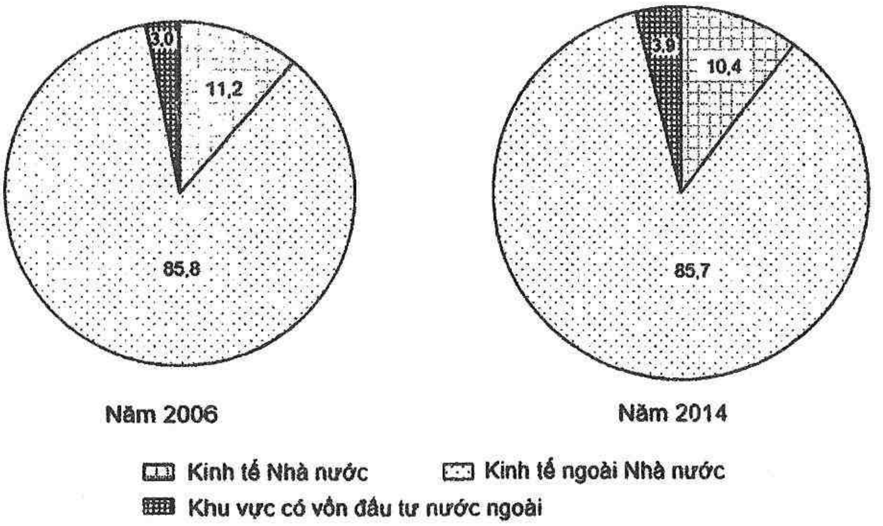

CƠ CẤU LAO ĐỘNG ĐANG LÀM VIỆC PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA, NĂM 2006 VÀ 2014 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về tỉ trọng lao động đang làm việc của các thành phần kinh tế ở nước ta năm 2014 so với năm 2006?

A. Kinh tế Nhà nước giảm, Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng.

B. Kinh tế Nhà nước và Kinh tế ngoài Nhà nước đều giảm.

C. Kinh tế Nhà nước tăng, Kinh tế ngoài Nhà nước giảm.

D. Kinh tế ngoài Nhà nước giảm, Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng.

Câu 70. Đặc điểm nào sau đây đúng với chế độ mưa của vùng ven biển Trung Bộ?

A. Mưa đều giữa các tháng trong năm. **B.** Mưa nhiều vào thời kì thu đông.

C. Mưa tập trung nhất vào mùa hạ. **D.** Mùa mưa dài nhất trong cả nước.

Câu 71. Vấn đề có ý nghĩa cấp bách trong phát triển nghề cá ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

A. đẩy mạnh đánh bắt các loài cá quý có giá trị cao.

B. khai thác hợp lí và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

C. tăng cường nuôi trồng thủy sản ở tất cả các tỉnh.

D. phát triển mạnh chế biến theo hướng hàng hóa.

Câu 72. Yếu tố nào sau đây là chủ yếu nhất làm cho ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nước ta có cơ cấu đa dạng?

A. Thị trường tiêu thụ rộng lớn và nhiều thành phần kinh tế tham gia.

B. Nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú và thị trường tiêu thụ rộng lớn.

C. Nhiều thành phần kinh tế cùng sản xuất và nguyên liệu phong phú.

D. Thị trường tiêu thụ rộng lớn và cơ sở vật chất kĩ thuật phát triển.

Câu 73. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 - 2014

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	**Khai thác**	**Nuôi trồng**
2005	1 987,9	1 478,9
2010	2 414,4	2 728,3
2012	2 705,4	3 115,3
2014	2 920,4	3 412,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng thủy sản của nước ta, giai đoạn 2005 - 2014?

A. Khai thác tăng nhanh hơn nuôi trồng.

B. Khai thác và nuôi trồng tăng đều nhau.

C. Nuôi trồng tăng nhiều hơn khai thác.

D. Khai thác luôn lớn hơn nuôi trồng.

Câu 74. Kim ngạch nhập khẩu của nước ta tăng lên khá nhanh trong những năm gần đây **không** phản ánh chủ yếu điều gì sau đây?

A. Sản xuất phục hồi và phát triển. **B.** Đáp ứng yêu cầu xuất khẩu.

C. Chất lượng nguồn lao động cao. **D.** Nhu cầu tiêu dùng ngày càng lớn.

Câu 75. Điều kiện nào sau đây là quan trọng nhất để phát triển du lịch biển ở nước ta?

A. Cơ sở hạ tầng kĩ thuật được đầu tư. **B.** Vị trí gần đường hàng hải quốc tế.

C. Vùng biển rộng, giàu tài nguyên. **D.** Nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp.

Câu 76. Cho biểu đồ về xuất khẩu hàng dệt - may, thủy sản nước ta qua các năm:

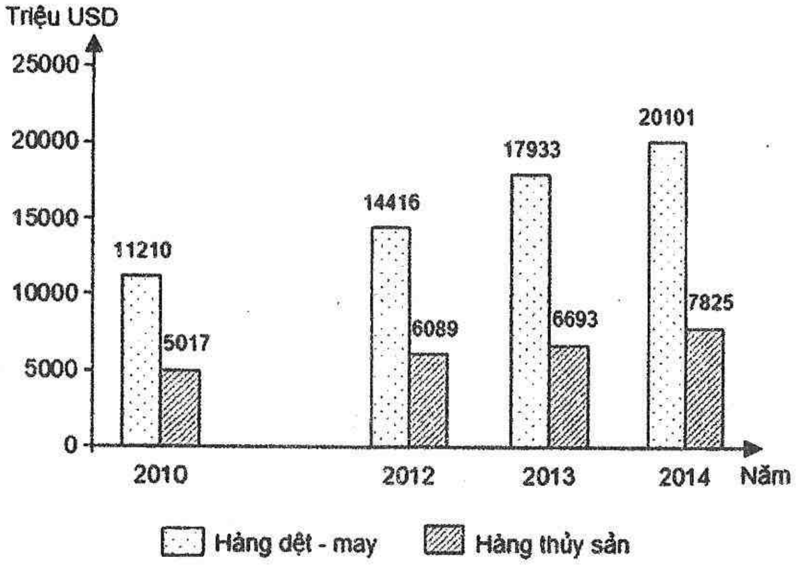

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Khối lượng xuất khẩu hàng dệt - may, thủy sản nước ta qua các năm.

B. Tốc độ tăng xuất khẩu hàng dệt - may, thủy sản nước ta qua các năm.

C. Cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng dệt - may, thủy sản nước ta qua các năm.

D. Giá trị xuất khẩu hàng dệt - may, hàng thủy sản nước ta qua các năm.

Câu 77. Biện pháp chủ yếu nhất góp phần làm giảm thiểu rủi ro trong tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ở nước ta là

A. tăng cường chuyên môn hóa sản xuất. **B.** phát triển nền nông nghiệp cổ truyền.

C. đẩy mạnh đa dạng hóa nông nghiệp. **D.** đầu tư thâm canh, luân canh, tăng vụ.

Câu 78. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU DIỆN TÍCH LÚA THEO MÙA VỤ CỦA NƯỚC TA, NĂM 2010 VÀ 2014

(Đơn vị: %)

Năm	**2010**	**2014**
Tổng số	100,0	100,0
Lúa đông xuân	41,2	39,9
Lúa hè thu	32,5	35,0
Lúa mùa	26,3	25,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Để thể hiện cơ cấu diện tích lúa theo mùa vụ của nước ta, năm 2010 và 2014 theo bảng số liệu, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Miền. **B.** Đường. **C.** Cột. **D.** Tròn.

Câu 79. Vấn đề cần đặc biệt chú ý trong phát triển lâm nghiệp của Bắc Trung Bộ là

A. phát triển các khu dự trữ tự nhiên. **B.** khai thác hợp lí đi đôi với bảo vệ rừng.

C. mở rộng diện tích rừng sản xuất. **D.** mở rộng diện tích các vườn quốc gia.

Câu 80. Điều kiện tự nhiên thuận lợi nhất về khai thác thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là có

A. nhiều bãi triều, đầm phá. **B.** nhiều vịnh biển, cửa sông.

C. các ngư trường trọng điểm. **D.** vùng biển diện tích rộng.

----------------------- HẾT -----------------------

- Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.